

Chữ 货 hóa với hoạt động thương mại cổ đại Trung Quốc

Phạm Ngọc Hàm*

*Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Trung Quốc, Trường Đại học Ngoại ngữ,
Đại học Quốc gia Hà Nội, Đường Phạm Văn Đồng, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 14 tháng 12 năm 2010

Tóm tắt: Hoạt động thương mại ở Trung Quốc xuất hiện từ rất sớm. Tiền tệ ra đời là phương tiện thúc đẩy thương mại phát triển. Chữ 货 hóa (hàng hóa) với tính chất biểu ý của nó đã phản ánh đặc điểm nhận thức của người Trung Quốc về tính chất của hàng hóa trong hoạt động thương mại.

Từ khóa: 1. Chữ 货 hóa; 2. Trung Quốc; 3. Tính thương mại; 4. Nhận thức.

Với bề dày lịch sử hơn 5000 năm, Trung Quốc có một nền văn hóa văn minh rực rỡ, tiêu biểu cho văn hóa Phương Đông. Trong tiến trình hình thành và phát triển của xã hội Trung Quốc, thương mại ra đời rất sớm, từ hình thức trao đổi giữa vật phẩm với vật phẩm tiến tới sự xuất hiện của tiền tệ trong vai trò là vật trung gian xúc tiến sản xuất hàng hóa và hoạt động thương mại. Chữ Hán đã phản ánh thực tế đó.

Trong bài viết này, bằng việc phân tích tính chất biểu ý của chữ 化 (hàng hóa) chúng tôi hy vọng làm sáng tỏ mối quan hệ giữa chữ Hán với văn hóa mà cụ thể là chữ 化 với hoạt động thương mại cổ đại Trung Quốc.

Theo *Từ điển quy phạm Hán ngữ hiện đại* [1], chữ 货 hóa (hàng hóa) là «chữ hình thanh, kết cấu trên dưới gồm bộ 化 biểu âm và bộ 貝 biểu nghĩa tạo thành». Tuy nhiên, Tiêu Khởi Hồng và một số học giả Trung Quốc khác lại cho rằng, 货 hóa là chữ hội ý. “Chữ 化 nghĩa là hàng hóa, thương phẩm, là quá trình trung gian mà thương nhân thông qua thủ pháp

mua bán, trao đổi, biến sản phẩm thành hàng tiêu dùng”. [2]

Trên tinh thần ủng hộ quan điểm của Tiêu Khởi Hồng, chúng tôi cho rằng, chữ 货 hóa là một chữ hội ý gồm hai bộ thủ (bộ 化 hóa và bộ 貝 bối) tạo thành. Bộ 化 hóa đứng riêng lẻ là chữ 化 nghĩa là biến hóa, chuyển đổi, bộ 貝 bối (vỏ sò), đứng riêng lẻ là chữ 貝 bối. Phân tích tính chất biểu ý của chữ 货 hóa có thể thấy được nhận thức của người xưa về hoạt động thương mại và tính chất của hàng hóa.

Tác giả Cảnh Đức và Sùng Thánh cho rằng: “chữ 货 hóa do 貝 bối và 化 hóa tạo thành. 化 hóa được giải thích là biến hóa, mà vật phẩm làm ra phải không ngừng lưu thông, không ngừng chuyển tay giao dịch. Do đó, nghĩa gốc của 化 hóa nên là tiền tệ”. [3]

Chữ 货 hóa (hàng hóa)



Hình 1. Chữ 货 hóa (dạng chữ triện và chữ hành).

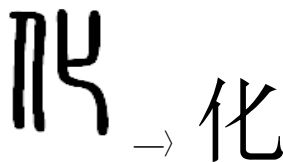
Trước hết, nói về tính chất biểu ý của 化. Hóa 化 đứng riêng rẽ cũng là một chữ Hán,

* ĐT: 84-0904123803.

E-mail: Phamngocham.nnvhtq@gmail.com

cấu tạo theo nguyên tắc hội ý gồm hai bộ thủ tạo thành. Theo cách lí giải của Đường Hán, “hình dạng ban đầu của chữ 化 hóa trong giáp cốt văn rất giống hình hai người đứng ngược chiều nhau, bằng cách so sánh dạng người đứng xuôi (chân chạm đất, đầu đội trời) và dạng ngược (đầu chạm đất, chân hướng lên trời) để biểu thị sự biến hóa” [4]. Phía trước là bộ nhân đứng, khắc họa hình ảnh người trong tư thế đứng thẳng, đầu đội trời, chân đạp đất - người đang sống và hoạt động. Phía sau là hình ảnh người trong tư thế ngược lại, đầu quay xuống dưới, chân hướng lên trên. Tư thế đảo ngược âm dương đó với hàm ý là người đã chết, quay đầu về đất. Con người sinh ra cũng như vạn vật, sự sống hữu hạn trong vòng trăm năm, từ sống đến chết là một sự thay đổi lớn nhất của kiếp người. Từ nghĩa gốc chỉ sự sống chết của con người chuyển thành nghĩa bóng chỉ sự biến đổi của sự vật như *hóa họa vi phúc, hóa hiểm vi di (hóa nguy vi an)*... Tiếp đó phát triển thành yếu tố cấu tạo nên động từ như *tự động hóa, công nghiệp hóa, cơ giới hóa* (tiếng Việt cũng mượn yếu tố “hóa” làm thành một từ đơn hoặc từ tổ của động từ, sử dụng với tần số lớn và kết hợp khá tự do với các yếu tố Hán và yếu tố thuần Việt, như *hóa thân, hóa kiếp, hóa vàng* ...). Gần đây còn có những từ mới xuất hiện theo cách cấu tạo này như *lục hóa* trong cụm từ *lục hóa thành thị* (phủ xanh thành phố). Trong những từ và cụm từ ấy, *hóa* vẫn mang nghĩa là thay đổi, biến hóa.

Chữ 化 hóa (biến đổi)



Hình 2. Chữ 化 hóa (dạng chữ triện và chữ hành).

Khi xã hội loài người đã phát triển, của cải vật chất từ mỗi gia đình, mỗi vùng miền làm ra không giống nhau. Do nhu cầu đời sống, xã hội hình thành nên quan hệ trao đổi sản phẩm làm ra. Vì vậy, sản phẩm được lưu thông từ không

gian này đến không gian khác, chuyển đổi từ chủ sở hữu này đến chủ sở hữu khác nhằm bổ sung cho nhau, thỏa mãn nhu cầu tiêu dùng và đồng thời cũng kích thích sản xuất, dần dần tạo nên tính chuyên môn hóa. Ví dụ, gia đình ông A dệt vải, gia đình ông B trồng khoai. Hai gia đình sẽ hình thành quan hệ trao đổi giữa khoai và vải để thỏa mãn nhu cầu ăn và mặc của cả hai bên. Trong Kinh thi - bộ tổng tập thơ ca đầu tiên của Trung Quốc ra đời vào khoảng thời Tây Chu đến giữa Xuân Thu, bài Manh có câu: “*Manh chi xi xi, biao bố mậu ty*” (Anh chàng hiền lành thật thà, mang vải đến đổi lấy tơ). Chữ 貿 mậu nghĩa là trao đổi, giao dịch mà ngày nay trong tiếng Hán và tiếng Việt vẫn dùng, như trong các từ 贸易 mậu dịch, 边贸 biên mậu. Chữ 貿 ra đời đánh dấu sự phát triển của kinh tế hàng hóa, đồng thời chứng tỏ hình thức sản xuất gia công trong xã hội đã hình thành. Khi sản phẩm làm ra nhiều, chủ sở hữu chưa có nhu cầu đổi lấy sản phẩm khác, người ta có thể chuyên hóa nó bằng cách trao đổi lấy vật trung gian, đó là tiền. Vô sò do tính chất cứng, khó kiếm, dễ bảo quản, được dùng làm vật trung gian trong lưu thông hàng hóa. Dần dần, những chữ Hán có bộ 貝 biểu thị ý nghĩa thường liên quan đến tiền bạc, của cải.

Chữ 化 với tính chất biểu ý của nó đã phản ánh thuộc tính của hàng hóa và quy luật lưu thông phân phối. Hàng hóa phải được lưu thông, khâu bán hàng là khâu chuyển đổi từ dạng vật phẩm sang tiền.

Vật phẩm (hàng hóa) 货 à hóa 化 à bới 贝 (tiền)

Ngược lại, với người mua, vốn có tiền, họ đem tiền của mình chuyển đổi thành vật phẩm.

Bới 贝 (tiền) à hóa 化 à vật phẩm (hàng hóa) 货

Hoạt động thương mại đã tạo thành vòng tuần hoàn tiền - hàng - tiền - hàng phản ánh đúng bản chất của hàng hóa và sản xuất hàng hóa.

Như vậy, chữ 貿 và chữ 化 có mối quan hệ mật thiết với nhau. Đồng thời nó cũng nhất trí với tính chất biểu ý của chữ 买 (bán) và 卖 (mua). Chính tính chất biểu ý của chữ Hán đó

đã thể hiện bản chất của sự vật, mặt khác phản ánh sinh động khả năng tri nhận của con người về chính sự vật đó.

Cấu thành chữ 货 *hóa* (hàng hóa) còn có bộ 贝 *bối*. Khi nói về chữ 贝 *bối* (vỏ sò), “Thuyết văn” viết: “Bối, hải giới trùng dã. Cư lực danh tiêu, tại thủy danh hàm, tượng hình.” (Bối chính là loài vật sống dưới biển, ở trên cạn có tên là tiêu, ở dưới nước có tên là hàm, chữ 贝 *bối* là chữ tượng hình) 贝 *bối* (vỏ sò) vốn là danh từ chỉ một loại động vật thân mềm sống ở biển Nam Hải. Vỏ của nó cứng và đẹp.

Chữ 贝 *bối* (vỏ sò, tiền)



Hình 3. Chữ 贝 *bối* (dạng chữ triện và chữ hành).

Do mở rộng về phạm vi trao đổi, 贝 *bối* (vỏ sò) dần dần được du nhập đến khu vực Trung Nguyên. Ban đầu, vỏ sò dùng làm đồ trang sức được mọi người yêu thích. Vỏ sò được xâu lại thành chuỗi làm một thứ đồ trang sức treo trên cổ. Vỏ sò được dùng làm đồ trang sức là sự thực đã được nhiều công trình khảo cổ phát hiện và chứng minh.

Thương mại cổ đại ban đầu chỉ giới hạn ở phương thức lấy vật phẩm đổi vật phẩm. Về sau, cùng với sự phát triển của hoạt động thương mại, tất yếu có sự phá vỡ những ràng buộc về phương thức trao đổi sản phẩm trực tiếp này, cần có vật môi giới trong giao dịch, tức loại hàng hoá thứ ba. Mác nói: “Loại hàng hoá thứ ba này do trở thành vật ngang giá của các loại hàng hoá khác, nên nó trực tiếp có được hình thức ngang giá thông thường hoặc mang tính xã hội”. Hình thức này sẽ thay thế hoặc tạm thời do loại hàng hoá này hay hàng hoá khác đảm nhận. Nhưng cùng với sự phát triển trong trao đổi hàng hoá, hình thức này cũng chỉ cố định trên một số hàng hoá ở một số chủng loại nhất định, hoặc nó kết tinh thành hình thức tiền tệ.” (“Tư bản luận” quyển 1). Trước khi Trung Quốc cổ đại lấy vỏ sò làm tiền tệ, nhiều sản

phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủ công nghiệp đều có thể đảm nhận vai trò của loại hàng hoá thứ ba, nhưng cuối cùng chỉ có vỏ sò mới trở thành tiền tệ cổ nhất của Trung Quốc. Ngoài nhu cầu khách quan cần phát triển thương nghiệp ra, còn bởi vỏ sò có đủ điều kiện để trở thành tiền tệ: trước tiên nó là sản phẩm từ biển, không dễ có được nó, giá trị của nó tương đối cao; thứ hai là thể tích của nó khá nhỏ, trọng lượng nhẹ, cứng chắc và bền, thuận tiện cho việc tính toán và lưu thông.

Sự ra đời và phát triển của chữ Hán có thể chứng minh Trung Quốc cổ đại đã từng lấy vỏ sò làm tiền tệ. Trong “Thuyết văn - Bối bộ” đã thu thập được 56 chữ có liên quan đến của cải, hàng hoá, như 财 *tài* (*tài sản, tiền của*), 贾 *cổ* (*buôn bán*), 资 *tư* (*vốn, tư bản*), 贡 *cống* (*cống nạp*), 赐 *tích* (*ban tặng*)... Sự thực này chứng tỏ, lịch sử mà vỏ sò được coi là loại tiền tệ duy nhất của Trung Quốc cổ đại là một thời kỳ tương đối dài. Như chúng ta đã biết, các loại tiền tệ kim loại thời kỳ đầu xuất hiện vào cuối đời nhà Thương. Vỏ sò bắt đầu được sử dụng làm tiền tệ còn sớm hơn cả thời kỳ này.

Ngay từ thời nhà Hạ, vỏ sò đã trở thành tiền tệ sử dụng trong dân gian. Ban đầu, tiền tệ bằng vỏ sò được lưu thông chỉ là loại vỏ sò biển thiên nhiên, sau này có thêm các loại sò xương, sò đá, sò đồng được mô phỏng theo vỏ sò thiên nhiên. Sau thời Thương, Chu, sò được lưu thông, đồng hành cùng các loại tiền tệ kim loại. Cho đến khi Tần Thủy Hoàng thống nhất Trung Quốc, nó mới ngừng lưu thông và mất đi chức năng tiền tệ. Cùng với sự ra đời của tiền tệ kim loại, địa vị của vỏ sò ngày một hạ thấp, cuối cùng bị thay thế hoàn toàn bởi tiền tệ kim loại. Trong quãng thời gian từ Thương Chu cho đến Chiến Quốc, những chữ Hán có nghĩa liên quan tới tài sản của cải vẫn lấy 贝 *bối* làm ký hiệu biểu ý, mà không lấy 金 *kim* (kim loại) làm ký hiệu biểu ý. Điều này chứng tỏ, vỏ sò đã được dùng làm tiền tệ, cũng là ký hiệu biểu trưng cho tài sản, của cải. Sự xuất hiện của tiền tệ đã làm thay đổi phương thức giao dịch nguyên thủy lấy vật phẩm đổi vật phẩm, là một sự thay đổi lớn của hoạt động thương mại, đánh dấu bước tiến

bộ vượt bậc của xã hội loài người. Trong sự ra đời và phát triển của văn hoá tiền tệ, vỏ sò đóng một vai trò vô cùng quan trọng.

Chữ 货 *hóa* là ví dụ sinh động về tính thống nhất giữa hình, âm và nghĩa của chữ Hán. Hội hợp hai bộ thủ 化 *hóa* và 贝 *bối* tạo nên chữ *hóa*, một mặt thể hiện tính chất đặc thù của chữ Hán, mặt khác phản ánh khả năng tri nhận của con người với thực tế khách quan. Đó chính là nội hàm văn hóa tiềm ẩn ngay trong lòng chữ Hán, tạo nên lực hút đối với giới nghiên cứu ngôn ngữ và văn hóa.

Tài liệu tham khảo

- [1] 李葆嘉、唐志超 (2001) 《现代汉语规范词典》，吉林大学出版社 (Lý Bảo Gia, Đường Chí Siêu (2001) - *Từ điển quy phạm Hán ngữ hiện đại*, NXB Đại học Cát Lâm).
- [2] 萧启宏 (2004) 《从人字》，新世界出版社 (Tiêu Khởi Hồng (2004) - *Từ chữ 人 nhân*, NXB Tân thế giới).
- [3] 景德、崇圣 (2005) 《汉字寻根 300 例》 - 山东美术出版社 (Cảnh Đức, Sùng Thánh (2005) - *300 ví dụ về nguồn gốc chữ Hán*, NXB Mỹ thuật Sơn Đông).
- [4] 唐汉 (2001) 《汉字密码》，学林出版社 (Đường Hán (2001) - *Mật mã chữ Hán*, NXB Học Lâm).

The term “commodity” in Chinese ancient trade

Pham Ngoc Ham

*Faculty of Chinese Linguistics and Culture, University of Languages and International Studies,
Vietnam National University, Hanoi, Pham Van Dong street, Cau Giay, Hanoi, Vietnam*

Commercial activities existed quite early in China. On the base of goods-by-goods exchange there appeared money as a medium that helps developing goods production and commerce. The character “货 *hoa*”, with its representational senses, clearly shows Chinese perception of the nature of goods and commerce.

Key words: The character “货 *hoa*”; 2. China; 3. Commercial; 4. perception.